

Bản án số: **30/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 28-6-2018
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DMC, TỈNH TÂY NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Cường

Bà Trịnh Thúy Cơ

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Phan Thanh Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn H**, sinh năm 1967; nơi cư trú: Số nhà 02, tổ 3, ấp B1, xã PM, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số nhà 02, tổ 3, ấp B1, xã PM, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

- Ông H có mặt tại phiên tòa, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 4 năm 2018 và bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà Trần Thị L tự nguyện quen biết nhau, có tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau từ năm 1992, không đăng ký kết hôn đến thời điểm hiện tại chưa đăng ký kết hôn.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về tình cảm và kinh tế. Tại tòa hôm nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà Trần Thị L là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh H1, sinh ngày 23-11-1992; Nguyễn Minh H2, sinh ngày 06-7-2000. Con tên H1 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con tên H2 và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị L trình bày: Bà L thừa nhận về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn và đến nay chưa đăng ký kết hôn theo lời trình bày của ông H. Bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông H là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà thừa nhận lời trình bày của ông H về con chung là đúng. Con tên H1 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con tên H2 theo ai người đó nuôi, nếu con theo bà, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; không vi phạm về tố tụng. Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ông H, bà L sống chung từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn đến nay chưa đăng ký kết hôn. Đối chiếu theo pháp luật hiện hành, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông H, bà L là vợ chồng. Chấp nhận yêu cầu của ông H được trực tiếp nuôi con Nguyễn Minh H2, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Con tên Nguyễn Minh H1 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe đương sự trình bày và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà L theo quy định tại khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

Bà Trần Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và bà có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung: Ông H và bà L tự nguyện chung sống với nhau năm 1992 không đăng ký kết hôn và đến nay không đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định”; khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng” Vì vậy Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh H1, sinh ngày 23-11-1992; Nguyễn Minh H2, sinh ngày 06-7-2000. Con tên H1 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con tên H2 và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai của cháu H2, cháu muốn sống với cha. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H về việc được trực tiếp nuôi con. Ghi nhận ông H không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông H phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 8; 9; 14; khoản 2 Điều 53; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147; 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ của ông Nguyễn H và bà Trần Thị L là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Nguyễn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Minh H2, sinh ngày 06-7-2000. Ghi nhận ông H không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Con tên Nguyễn Minh H1 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở bà L thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số 0010475 ngày 02-5-2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận ông Nguyễn H đã nộp xong.

“Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS Huyện DMC;
- Đường sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ (M).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng Nghĩa